

Số: /2026/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ
Hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số / /NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi: việc tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi; thủ tục trả tiền bảo hiểm và việc thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả từ tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; mở và sử dụng tài khoản của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước); phương thức đầu tư và quy trình kiểm soát, quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam; cung cấp thông tin và hoạt động kiểm tra của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

2. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm: ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô.

3. Người được bảo hiểm tiền gửi.

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi.

Chương II

HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 3. Thời hạn nộp phí bảo hiểm tiền gửi

1. Phí bảo hiểm tiền gửi được tính và nộp định kỳ hàng quý trong năm tài chính. Chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu tiên quý thu phí, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn nộp phí trùng vào ngày Lễ, Tết, ngày nghỉ cuối tuần thì tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được nộp vào ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ Lễ, Tết, ngày nghỉ cuối tuần đó.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ thời hạn nộp phí bảo hiểm tiền gửi quy định tại khoản 1 Điều này, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, trong đó nêu rõ nội dung truy thu hoặc thoái thu (nếu có). Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi/ Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm thực hiện văn bản thông báo trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc.

Điều 4. Tính phí bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi theo mức 0,15%/ năm tính trên số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

2. Cơ sở tính phí bảo hiểm tiền gửi của quý thu phí là toàn bộ số dư tiền gửi bình quân của các loại tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi của quý trước liền kề quý thu phí.

3. Số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp của quý thu phí được tính bằng công thức sau:

$$P = \frac{\frac{S_0 + S_3}{2} + S_1 + S_2}{3} \times \frac{m}{4}$$

Trong đó:

- P: là số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp của quý thu phí.
- S₀: là số dư tiền gửi được bảo hiểm đầu tháng thứ nhất của quý trước liền kề quý thu phí.
- S₁, S₂, S₃: là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối các tháng thứ nhất, tháng thứ hai, tháng thứ ba của quý trước liền kề quý thu phí.
- m: là mức phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp.

4. Trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tính và nộp phí cho quý đầu tiên tham gia bảo hiểm tiền gửi áp dụng theo công thức sau:

$$P = \sum_{i=1}^n S_i \times \frac{m}{365}$$

Trong đó:

- P: là số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp của quý đầu tiên.

- S_i : là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày thứ i ($i=1 \rightarrow n$; S_1 là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối ngày đầu tiên nhận tiền gửi; S_n là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối cùng của quý đầu tiên).

- m: là mức phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp.

5. Trường hợp có quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt, số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp được tính bằng công thức quy định tại khoản 4 Điều này; trong đó S_i là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày thứ i ($i = 1 \rightarrow n$); S_1 là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối ngày đầu tiên của quý mà quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt có hiệu lực; S_n là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối ngày cuối cùng trước khi quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt có hiệu lực.

6. Trường hợp có quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt để trở lại hoạt động bình thường, số phí bảo hiểm tiền gửi phải nộp được tính bằng công thức theo quy định tại khoản 4 Điều này; trong đó S_i là số dư tiền gửi được bảo hiểm ngày thứ i ($i = 1 \rightarrow n$); S_1 là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối ngày liền kề sau ngày quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt có hiệu lực; S_n là số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối ngày cuối cùng của quý mà quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt có hiệu lực.

7. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi sau sáp nhập, hợp nhất áp dụng công thức tính phí bảo hiểm tiền gửi quy định tại khoản 3 Điều này, trong đó S_0 là tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm đầu tháng thứ nhất của quý trước liền kề quý thu phí của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tham gia sáp nhập, hợp nhất; S_1, S_2, S_3 là tổng số dư tiền gửi được bảo hiểm cuối các tháng thứ nhất, tháng thứ hai, tháng thứ ba của quý trước liền kề quý thu phí.

Điều 5. Miễn, tạm hoãn nộp phí bảo hiểm tiền gửi

1. Khi nhận được quyết định kiểm soát đặc biệt, quyết định gia hạn thời hạn kiểm soát đặc biệt, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam gửi thông báo cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi về việc miễn nộp phí bảo hiểm tiền gửi và đề nghị tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi xác nhận số tiền phí bảo hiểm tiền gửi nộp thiếu, nộp chậm và khoản tiền chậm nộp (nếu có) đã phát sinh trước thời điểm tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được đặt vào kiểm soát đặc biệt.

2. Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm gửi văn bản cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam về số tiền phí bảo hiểm tiền gửi nộp thiếu, nộp chậm và khoản tiền chậm nộp (nếu có) đã phát sinh trước thời điểm tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được đặt vào kiểm soát đặc biệt.

3. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để hoàn trả đầy đủ khoản tiền được tạm hoãn trong phương án cơ cấu lại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và gửi kế hoạch đã được phê duyệt tới Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Điều 6. Số tiền bảo hiểm được trả

Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm tiền gốc và tiền lãi tính đến thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tối đa bằng hạn mức chi trả tiền bảo hiểm quy định tại Điều 22 của Luật Bảo hiểm tiền gửi.

Trường hợp người được bảo hiểm tiền gửi có khoản nợ tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thì số tiền gửi được bảo hiểm là số tiền còn lại sau khi trừ khoản nợ đó.

Điều 7. Thủ tục trả tiền bảo hiểm

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải gửi Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm. Hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm do người đại diện tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi quy định tại khoản 2 Điều này ký, bao gồm:

a) Văn bản đề nghị trả tiền bảo hiểm theo mẫu quy định của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

b) Danh sách người được bảo hiểm tiền gửi theo mẫu quy định của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, trong đó ghi rõ số tiền gửi được bảo hiểm (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi) và khoản nợ tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi (nếu có, bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi) của từng người được bảo hiểm tiền gửi tính đến ngày phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; số tiền bảo hiểm đề nghị trả cho từng người được bảo hiểm tiền gửi;

2. Người đại diện tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện các thủ tục đề nghị trả tiền bảo hiểm:

a) Sau thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi tiếp tục là người đại diện tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi để thực hiện các thủ tục đề nghị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền.

b) Trường hợp tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị khuyết người đại diện theo pháp luật hoặc trong trường hợp cần thiết khác, Ngân hàng Nhà nước chỉ định cán bộ của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi hoặc cán bộ của Ngân hàng Nhà nước là người đại diện tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện các thủ tục đề nghị trả tiền bảo hiểm.

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Điều này, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tiến hành kiểm tra các chứng từ, sổ sách để xác định số tiền bảo hiểm phải chi trả.

Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, chứng từ theo yêu cầu của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam để phục vụ việc kiểm tra, xác định số tiền chi trả.

Trường hợp kiểm tra chứng từ, sổ sách để xác định số tiền chi trả phát hiện dấu hiệu vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam báo cáo, kiến nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, kiểm tra, thanh tra, xử lý.

Căn cứ kết quả kiểm tra của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cung cấp, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam lập danh sách người được trả tiền bảo hiểm và số tiền bảo hiểm trả cho từng người.

4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều này, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải có phương án trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi; thông báo công khai về địa điểm, thời gian, phương thức trả tiền bảo hiểm trên ba số liên tiếp của một tờ báo trung ương, một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và trên một báo điện tử của Việt Nam, trang thông tin điện tử của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các hình thức khác do Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam quyết định.

Điều 8. Thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả từ tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Kể từ ngày trở thành chủ nợ của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ nợ theo quy định của pháp luật.

2. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được thanh toán khoản tiền phải trả cho người gửi tiền được bảo hiểm theo thứ tự phân chia giá trị tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bị phá sản theo quy định tại Luật Phá sản.

Điều 9. Mở và sử dụng tài khoản thanh toán của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại ngân hàng

1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được mở tài khoản thanh toán tại các ngân hàng và chỉ được sử dụng các tài khoản này cho mục đích thanh toán phục vụ các hoạt động của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

2. Tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại các ngân hàng được hưởng lãi theo mức lãi suất do ngân hàng ấn định phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.

Điều 10. Mở tài khoản của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Ngân hàng Nhà nước

1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước để gửi tiền từ nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi và hưởng mức lãi suất do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ.

2. Thủ tục mở tài khoản của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Ngân hàng Nhà nước được thực hiện như quy định về thủ tục mở tài khoản thanh toán cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Ngân hàng Nhà nước.

CHƯƠNG III

PHƯƠNG THỨC ĐẦU TƯ, KIỂM SOÁT, QUẢN LÝ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Điều 11. Phương thức đầu tư

1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện trực tiếp đầu tư đối với các hoạt động đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Bảo hiểm tiền gửi.

2. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được ủy thác đầu tư đối với các hoạt động đầu tư: mua, bán trái phiếu Chính phủ; mua, bán trái phiếu được phát hành bởi ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, ngân hàng thương mại cổ phần do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. Trường hợp ủy thác đầu tư, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam xây dựng phương án thực hiện được Hội đồng quản trị thông qua trong phương án đầu tư hằng năm.

3. Phương án đầu tư bằng phương thức ủy thác đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Sự cần thiết đầu tư bằng phương thức ủy thác;
- b) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn tổ chức nhận ủy thác đầu tư, trong đó tổ chức nhận ủy thác đầu tư là các công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại có chức năng nhận ủy thác đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan;
- c) Các nội dung ủy thác: phạm vi, sản phẩm ủy thác; quyền, nghĩa vụ, cam kết của các bên; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác; xử lý tranh chấp các nội dung ủy thác khác;
- d) Phương án xử lý trong trường hợp tổ chức nhận ủy thác đầu tư không thực hiện được các nội dung ủy thác;
- đ) Các biện pháp quản lý để đảm bảo kiểm soát hoạt động thuộc phạm vi ủy thác của bên nhận ủy thác;
- e) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý.

4. Trên cơ sở phương án được Hội đồng quản trị thông qua, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam lựa chọn tổ chức ủy thác đầu tư và ký hợp đồng, trong đó bao gồm các nội dung quy định tại điểm c, điểm d khoản 3 Điều này.

Điều 12. Kiểm soát, quản lý rủi ro

1. Ban hành các quy chế nghiệp vụ gồm: quy chế đầu tư, quy chế quản lý rủi ro, quy trình kiểm toán nội bộ theo quy định tại Điều 13 Thông tư này và quy chế khác theo yêu cầu kiểm soát, quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

2. Thực hiện đầu tư theo phương án đầu tư được phê duyệt; thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện để có biện pháp xử lý theo thẩm quyền và báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh hoặc bổ sung (trong trường hợp cần thiết).

3. Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình thị trường; tình hình đầu

tư; đối chiếu số tiền đầu tư, số tiền đến hạn thu hồi và số dư của từng khoản đầu tư, đối tượng đầu tư để phục vụ cho việc xác định lãi suất đầu tư, thu hồi tiền gốc, lãi kịp thời, đầy đủ, đúng hạn.

4. Thực hiện kiểm soát, kiểm toán nội bộ để rà soát, đánh giá độc lập việc tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế nghiệp vụ trong hoạt động đầu tư; kịp thời phát hiện, đề xuất biện pháp phòng ngừa, quản lý rủi ro.

5. Trích lập dự phòng rủi ro theo quy định về chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, xử lý rủi ro theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

6. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán theo khoản 7 Điều 30 Luật Bảo hiểm tiền gửi.

Điều 13. Các quy chế nghiệp vụ

1. Quy chế đầu tư, bao gồm tối thiểu các nội dung sau: tiêu chí danh mục đầu tư; quy trình xây dựng cơ cấu đầu tư và các biện pháp để đạt được cơ cấu đầu tư; quy trình xây dựng phương án đầu tư hằng năm và phương án đầu tư 6 tháng; quy trình, thủ tục, hồ sơ đầu tư đối với từng khoản đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Bảo hiểm tiền gửi; chế độ báo cáo; trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân có liên quan.

2. Quy chế quản lý rủi ro bao gồm tối thiểu các nội dung sau: các loại rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư; nhận diện, phòng ngừa, xử lý đối với từng loại rủi ro; cách thức, tần suất tự kiểm tra, kiểm soát đối với các loại rủi ro; quy trình xử lý khi phát sinh rủi ro; trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân có liên quan.

3. Quy chế kiểm toán nội bộ bao gồm các nội dung cơ bản sau: phạm vi, cách thức, quy trình, tần suất thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động đầu tư; trách nhiệm phối hợp của các đơn vị, cá nhân khi tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ, quy trình xử lý các kiến nghị của kiểm toán nội bộ, chế độ báo cáo.

Điều 14. Kiểm toán nội bộ về hoạt động đầu tư

Định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu quản lý, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động đầu tư để đánh giá việc tuân thủ quy định của pháp luật, phương án đầu tư hằng năm, phương án đầu tư 6 tháng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy chế nghiệp vụ, quy trình liên quan đến hoạt động đầu tư.

Điều 15. Nguyên tắc xử lý rủi ro

1. Đối với các khoản đầu tư bị chậm hoặc không thanh toán được lãi hoặc gốc:

a) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ trên cơ sở đàm phán giữa Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và các bên liên quan phù hợp quy định của pháp luật.

b) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

2. Nguyên tắc xử lý rủi ro:

a) Khoản đầu tư được thực hiện theo đúng thẩm quyền và phương thức đầu tư;

b) Có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh khoản đầu tư bị rủi ro do nguyên nhân khách quan làm thiệt hại một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư (tiền gốc, lãi);

c) Việc xử lý rủi ro được xem xét đối với từng trường hợp cụ thể căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến rủi ro, mức độ rủi ro, đảm bảo đầy đủ hồ sơ pháp lý, đúng trình tự và quy định của pháp luật;

3. Một khoản đầu tư bị rủi ro có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp xử lý rủi ro quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG IV

CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA CỦA BẢO HIỂM TIỀN GỬI VIỆT NAM

Điều 16. Cung cấp thông tin

1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm thiết lập, lưu giữ đầy đủ, chính xác và cập nhật liên tục hệ thống dữ liệu về người gửi tiền, tiền gửi, các khoản nợ của người gửi tiền và số tiền gửi được bảo hiểm quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

2. Định kỳ hàng Tháng, Quý, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi gửi báo cáo về tiền gửi được bảo hiểm và phí bảo hiểm tiền gửi cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam theo Phụ lục I Thông tư này.

3. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm đột xuất theo yêu cầu bằng văn bản của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

4. Đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thuộc diện can thiệp sớm hoặc kiểm soát đặc biệt báo cáo chi tiết về tiền gửi và số tiền gửi được bảo hiểm định kỳ hàng tháng hoặc theo yêu cầu đột xuất của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Phụ lục IV Thông tư này.

5. Trong trường hợp phục vụ công tác chuẩn bị trả tiền bảo hiểm, diễn tập trả tiền bảo hiểm hoặc thực nghiệm hệ thống, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm cung cấp danh sách chi tiết khách hàng và các dữ liệu liên quan tại khoản 1 Điều này theo yêu cầu của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Thời hạn cung cấp thông tin không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

6. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi có quyền từ chối cung cấp thông tin không liên quan đến nội dung kiểm tra.

Điều 17. Kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về đối tượng, nội dung, phạm vi, thời hạn kiểm tra theo các quy định sau:

a) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định

tại khoản này và gửi Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trước khi quy chế này được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phải gửi Ngân hàng Nhà nước Quy chế kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;

b) Quy chế kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải được Hội đồng quản trị phê duyệt và đảm bảo có tối thiểu các nội dung sau:

(i) Nguyên tắc kiểm tra;

(ii) Quy trình thực hiện kiểm tra;

(iii) Trách nhiệm của từng phòng, ban thuộc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam:

(i) Báo cáo kết quả kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính;

(ii) Báo cáo kết quả kiểm tra các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khác cho Thanh tra Ngân hàng Nhà nước.

3. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc xây dựng kế hoạch, nội dung kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:

a) Giám sát Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi;

b) Phối hợp với Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 18 Thông tư này.

2. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước:

a) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm tiền gửi;

b) Kiểm tra, thanh tra Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra việc sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi;

d) Chủ trì, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; có ý kiến và tiếp nhận Quy chế kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại

Điều 17 Thông tư này.

3. Vụ Chính sách tiền tệ:

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đề tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định mức lãi suất tiền gửi của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại Ngân hàng Nhà nước.

4. Sở Giao dịch:

Hướng dẫn Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam thực hiện việc gửi tiền tại Ngân hàng Nhà nước, mua tín phiếu Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật.

5. Ngân hàng Nhà nước Khu vực:

a) Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm tiền gửi trên địa bàn;

b) Phối hợp với Thanh tra Ngân hàng Nhà nước thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 18 Thông tư này.

Điều 19. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản trị Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Tổng giám đốc Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 24/2014/TT-NHNN ngày 6 tháng 9 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số nội dung về hoạt động bảo hiểm tiền gửi hết hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 19;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, ATHT1

THỐNG ĐỐC